

Việc phiên dịch kinh điển Phật giáo ra chữ Quốc ngữ

GS Nguyễn Vĩnh Thượng



Lời tác giả: Trong bài viết lần thứ hai này, ngày 07 tháng 02 năm 2016, tôi đã sửa chữa vài chỗ và bổ túc vài nơi. Trân trọng cảm ơn lời sửa sai và bổ khuyết của quý vị độc giả.

NVT

Có hai Đại Tạng Kinh được truyền đến Việt Nam:

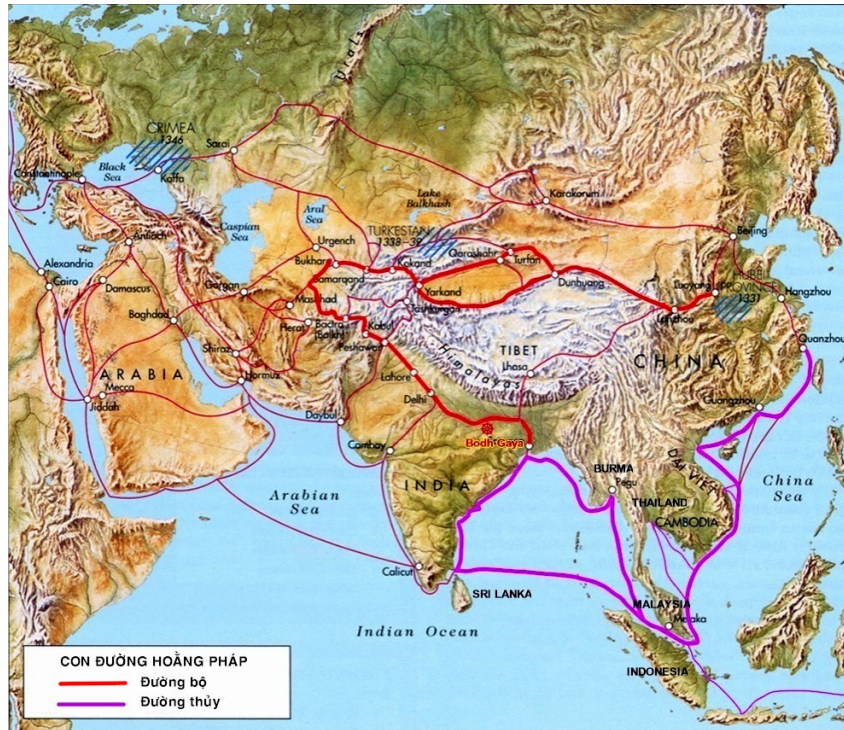
- *Tam Tạng Kinh* (Tipitaka) *tiếng Pali* thuộc Phật giáo Nam phương được truyền đến Việt Nam do Phật giáo Nguyên Thủy từ Sri Lanka.

- *Đại Tạng Kinh* (大藏經) *tiếng Hán* dịch từ tiếng Sanskrit và các thổ ngữ khác của Ấn độ, Phật giáo Bắc phương truyền đến Việt Nam từ Trung quốc.

Việc phiên dịch các Đại Tạng Kinh điển ra chữ Quốc ngữ rất giúp ích cho Tăng Ni, Cư Sĩ, Phật tử và các nhà nghiên cứu Phật học vì nhờ bản dịch họ có thể đọc và hiểu dễ dàng tư tưởng triết học Phật giáo khi trình độ đọc chữ Pali và chữ Hán của họ còn kém.

Bài viết này sẽ trình bày: I.- Tóm lược lịch sử Phật giáo Việt Nam. II.- Tiến trình việc phiên dịch kinh điển Phật giáo ra chữ Quốc ngữ.

I.- Tóm lược lịch sử Phật giáo Việt Nam



(Nguồn: bản đồ Con Đường Hoàng Pháp của Thư viện Hoa Sen website)

Phật giáo truyền vào Việt Nam vào khoảng năm 189 CN theo *con đường biển* (sea route) hay còn gọi là *con đường hồ tiêu* (spice route), gọi như vậy là vì các ghe tàu chở các đồ gia vị từ Ấn độ, Nam dương đến Giao châu (Bắc phần hiện nay) rồi đem các đồ gia vị qua Trung quốc để bán. Trên ghe tàu, họ thường thỉnh theo các tăng sĩ để cầu an, nhân cơ hội đó các vị tăng sĩ này đến Giao châu để truyền bá Phật giáo. Phật giáo còn truyền đến Giao châu bằng con đường bộ từ Trung quốc, Phật giáo truyền từ Ấn độ đến Trung quốc bằng con đường bộ gọi là *con đường tơ lụa* (silk route), gọi như vậy là vì con đường bộ này là nơi buôn bán, trao đổi hàng tơ lụa của Trung quốc với các gia vị của Ấn độ, các thương gia Ấn cũng có các tăng sĩ Phật giáo đi theo để cầu an và cũng nhân cơ hội đó để truyền bá Phật giáo. Khoảng thế kỷ III CN, ở Giao châu có khoảng 500 tăng sĩ. Bộ kinh “*Tứ Thập Nhị Chương*” và khoảng 15 bộ kinh khác đã được lưu hành tại đây.

Giai đoạn đầu trong lịch sử nước ta, thời Bắc thuộc và các triều đại Đinh, Lê, Lý và Trần là giai đoạn cực thịnh của đạo Phật. Vào thời Lý, Phật giáo là Quốc giáo. Đã có nhiều vị Đại Sư từ Giao Châu sang giảng kinh bên Tàu:

-*Khang Tăng Hội* (Kang Seng-Hui): cha Ngài sống ở Ấn Độ, rồi đi tới Giao chỉ (Bắc Việt Nam bây giờ) buôn bán. Khi Ngài lên 10 tuổi thì cha mẹ mất, Ngài đã xuất gia cầu đạo, chuyên nghiên cứu kinh Phật. Năm 247 CN Ngài đến thành Kiên nghiệp thuộc vùng thống trị của Ngô Tôn Quyền. Vua Tôn Quyền xây chùa để làm nơi phiên dịch kinh điển. Ngài Khang Tăng Hội đã là vị giáo sĩ Phật giáo vào buổi ban đầu của Phật giáo ở đất Giao Châu. Ngài đã dịch các bộ kinh như:

-Lục độ tập kinh, -Tập thí dụ kinh, Chú thích bộ Pháp kinh kinh,Đạo thụ vương kinh. Rất nhiều người theo Ngài để học Phật pháp, trong số các tăng sĩ đó có Ma-la-kỳ- vực (Marajivaka), Thiên Hữu (Kalyanaruci). Sau đó, Ngài Mậu Bác từ bên Trung Quốc sang để tiếp tục phát huy đạo Phật.

Khoảng năm 580 CN Sư Ấn Độ Tỳ-ni-đa-lưu-chi (Vinitaruci) đến truyền đạo, được coi là Sư tổ của Thiền tông Việt Nam. Khoảng 820 , sư Trung Quốc Vô Ngôn Thông đến lập một phái Thiền Tông khác.

Theo cổ Hòa Thượng Thích Mật Thể trong *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* (xuất bản năm 1943 tại Hanoi), thì có thể trên đường qua Trung Quốc truyền đạo, các cao tăng Ấn Độ đi bằng đường biển đã ghé qua và dừng chân lại ở Giao Châu để nhờ các vị cao tăng Việt Nam trong việc dịch kinh điển ra chữ Hán, hỏi ấy các vị cao tăng Việt Nam rất thông thạo chữ Hán. Cũng có thể vài tông phái Phật giáo từ phương Nam tới đã để lại các bài thuyết pháp hoặc kinh điển trước khi đi qua Trung quốc để truyền đạo. Nhưng sau thời Bắc thuộc, dưới các triều đại thời độc lập, triều đình và dân ta học Phật đều hướng về phương Bắc: -Lê Ngoạ Triều (986 – 1009) sai Minh Sưông sang nhà Tống (960 – 1279) thỉnh Đại Tạng Kinh/ Tam Tạng Kinh Điển.-Lý Thái Tổ (1010 – 1028) cũng sai Nguyễn Đạo Thành sang Tống thỉnh Đại Tạng Kinh.

Triều đình đã đặt ra sắc phục cho tăng ni, đã cử nhiều vị cao tăng làm Quốc sư, Thái sư. Chùa chiền, tháp Phật mọc lên khắp nơi.

Từ đó, trong chùa, tu viện và giới nghiên cứu Phật học đều đọc kinh sách của Tàu và đã mời nhiều vị cao tăng Trung Quốc qua thuyết pháp Phật. Năm 1069, dưới thời vua Lý Nhân Tôn, Thiền sư Trung quốc Thảo Đường sang lập chùa Khai Quốc (Thăng Long) một trường phái của Thiền Tông. Thảo Đường đã đứng đầu trong tư tưởng Phật học đời Trần.

Đến đầu đời Trần , Thiền sư Trung Quốc Tiêu Dao sang truyền tâm ấn cho Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Tảng (1252-1313), Ngài là sư tổ của Thiền phái Trúc Lâm ở Việt Nam. Ngài đã truyền tâm ấn cho vua Trần Nhân Tôn. Trần Nhân Tôn truyền tâm ấn cho Pháp Loa thiền sư, Pháp Loa thiền sư truyền tâm ấn cho Huyền Quang thiền sư. Ba vị này được coi là *Trúc Lâm tam tổ*.

Các chùa chiền, Phật học viện, các nhà nghiên cứu Phật học đã dùng kinh sách chữ Hán từ bên Tàu truyền sang. Mãi tới đầu thế kỷ 20, trong phong trào chấn hưng đạo Phật, mới có nhiều kinh sách được dịch từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ.

Bên cạnh đạo Phật, đạo Nho và đạo Lão cũng được truyền sang nước ta, cả 3 đạo cùng nhau phát triển và kết hợp lại một tinh thần tổng hợp, tam giáo hoà đồng trong suốt giai đoạn cuối đời Lý sang đời Trần, sau đó tuy đạo Nho lần lần được phát triển, nhưng đạo Phật vẫn được sùng bái. Các vị Sư ngoài việc tinh thông Phật pháp họ còn rất tinh thông Nho giáo và Lão giáo. Họ rất am

tường và cũng thực hành đạo lý của Nho giáo: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; và cũng có một đời sống tiêu dao thoát tục của Lão giáo. Các Sư cụ ở chùa là bậc đáng kính.

Năm 970, thời nhà Đinh (968 - 980), triều đình phong thiền sư Ngô Chân Lưu làm Tăng Thống. Qua năm sau Vua thăng chức Thiền sư lên làm Quốc sư, và ban cho hiệu là Khuông Việt.

Trong thời Tiền Lê (980 - 1009), triều đình cử Sứ sang Trung quốc thỉnh bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán.

Thời Lý (1010 - 1225) là thời hưng thịnh của đạo Phật. Thiền sư Vạn Hạnh, đang làm Tăng Thống cho vua Lê, đã đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vua lấy hiệu là Lý Thái Tổ năm 1010. Đạo Phật đã là Quốc giáo dưới thời Lý.

Lý Thái Tổ (1010 - 1028) đã cử Nguyễn Đạo Thành sang Tống thỉnh Đại Tạng Kinh.

Năm 1049, vua Lý Thái Tông cho xây chùa Diên Hựu, tiếng Hán Việt là Diên Hựu tự (延祐寺), thường gọi là **Chùa Một Cột**, tiếng Hán Việt là Nhất Trụ tháp (一柱塔).

Năm 1070, Lý Thánh Tông cho xây *Văn Miếu* (文廟) để thờ Chu Công, Khổng Tử, và thất thập nhị hiền. Năm 1075, vua Lý Nhân Tông cho lập *Quốc Tử Giám* (國子監) để đào tạo Nho sĩ. Cũng năm 1075, vua Lý Nhân Tông cho mở khoa thi tam trường (thi Hương, thi Hội và thi Đình) để tuyển chọn người bác học ra làm quan. Vua Nhân Tông đã khai sáng ra thể lệ thi cử ở Việt Nam. Năm 1086, triều đình nhà Lý cho mở khoa thi để tuyển chọn bậc thâm cứu Nho học để làm việc tại Viện Hàn Lâm mới lập.

Vào đời Trần (1225 - 1400), vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293) đã sáng tác hai áng văn tuyệt tác là *Khoá hư lục* và *Thiền tôn chỉ nam*. Sau khi trị vì được 15 năm, Trần Nhân Tông đã nhường ngôi, và lên chùa Vân Yên ở núi Yên Tử để tu thiền, thâm nhận nhiều đệ tử. Ngài là sư tổ của phái thiền Trúc Lâm.

Năm 1253, triều đình nhà Trần cho mở Viện Quốc Học ở Kinh đô, để cử các danh Nho về Kinh đô giảng Nho học: Tứ thư, Ngũ kinh.

Từ cuối đời Trần, Phật giáo bắt đầu suy giảm, Nho giáo bắt đầu hưng thịnh. Nước ta lúc bấy giờ đã có một đội ngũ đông đảo Nho sĩ tinh thông Hán học do đó đạo Nho càng ngày càng phát triển. Các nhà Nho bắt đầu bước lên võ đài chính trị để trở thành kinh bang tế thế.

*_*_*

[Ở đây, tôi xin được mở ngoặc để nói đến một *quan điểm mới về thời điểm* xây dựng Văn Miếu và thành lập Quốc tử Giám:

Trong cuộc “*Hội thảo 1000 năm vương triều Lý và Kinh đô Thăng Long*” vào ngày 21 tháng 01 năm 2009 tại Việt Nam, Tiến sĩ người Nga Alexey Polyakov; thuộc Trung tâm Việt Nam học,

Viện Á Phi, Đại học Moskva ở Liên bang Nga; đã đưa ra một quan điểm mới (trước đây TS Alexey Polyakov đã có bài viết: “ *Sur la date de construction du Van Mieu*” đăng trong Etudes Vietnamiennes, No. 3, Septembre 1991) : *ngày xây cất Văn Miếu và thành lập Quốc Tử Giám không thể xảy ra vào triều đại nhà Lý, tức là vào thế kỷ thứ XI*. Theo Polyakov thì chỉ có quyển “*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*” (ĐVSKTT) của Ngô Sĩ Liên, được bắt đầu soạn vào năm 1247 theo lệnh của vua Lê Thánh Tông, *đời hậu Lê*, mới ghi Văn Miếu và Quốc Tử Giám được xây cất và được thành lập dưới triều Lý. Việc này không thấy ghi ở cuốn “*Việt Sử Lược*”, còn có tên là *Đại Việt Sử Lược*, tác giả: khuyết danh, viết bằng chữ Hán vào *thời nhà Trần*. Đây là một cuốn lịch sử biên niên của Việt Nam còn lưu truyền đến ngày nay. Việt Sử Lược có bản dịch ra chữ Quốc ngữ với các lời chú thích của GS Trần Quốc Vượng, do nhà xuất bản Văn Sử Địa xuất bản ở Hà Nội năm 1960. Vào đời Trần, còn có bộ “*Đại Việt Sử Ký*” (ĐVSK) do nhà sử học Lê Văn Hưu (1230 -1322) biên soạn. Đây là bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam. Rất tiếc bộ sử này *không còn* nhưng sử gia Ngô Sĩ Liên đã dựa vào đó để soạn bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư .

TS Polyakov còn nhận định rằng: thế kỷ XI là thời cực thịnh của triều Lý tức là thời cực thịnh của Phật giáo. Phật giáo là Quốc giáo. Các nhà trí thức và quan lại trong triều đình nhà Lý rất ít người xuất thân từ Nho giáo, nên việc thành lập Văn Miếu và Quốc Tử Giám ở giai đoạn này thì không hợp lý. Ông còn lý luận rằng Ngô Sĩ Liên trong ĐVSKTT đã viết rằng thái tử Lý đến học ở Văn Miếu sau khi Văn Miếu được xây dựng, nhưng lúc bấy giờ thái tử Lý mới có 4 tuổi. Theo ĐVSKTT của Ngô sĩ Liên: “*Vào mùa Thu tháng 8 năm Canh Tuất, tức năm Thuần Vũ thứ 2 đời Lý Thánh Tông, Văn Miếu được xây, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tỉ Phối, vẽ tượng Thất Thập Nhị Hiền, bốn mùa cúng tế, Hoàng Thái Tử đến đấy học*”.

Có hai quyển sử sau này là “*Việt Sử Thông Giám Cương Mục Khảo Lược*” của Ký Xuyên hiệu là Nguyễn Thông (1827 - ?), bản chữ Hán chép tay, viết xong vào năm 1877 vào thời Nguyễn, được dịch ra chữ Quốc ngữ bởi Đỗ Mộng Khương, và được Lê Duy Chương hiệu đính, do NXB Văn Hoá Thông Tin xuất bản năm 2009 tại Hà Nội, và quyển “*Việt Nam Sử Lược*” của Trần Trọng Kim viết bằng chữ Quốc ngữ, xuất bản năm 1919 tại Hanoi cũng viết rằng: “*Đời vua Lý Nhân Tông, niên hiệu Thái Ninh thứ 4 (1075), mở khoa thi tam trường để lấy người văn học vào làm quan. Kỳ thi ấy là kỳ thi đầu tiên ở nước ta, chọn được hơn 10 người, Thủ Khoa là Lê Văn Thịnh...*”

Tóm lại TS Alexei Polyakov đã có một lý luận rất mới mẻ để nói lên quan điểm của mình. Để đánh giá quan điểm này một cách chính xác, chúng ta cần có sự nghiên cứu sâu sắc thêm các sử liệu và các di chỉ khảo cổ.

Trong bài viết này tôi đã căn cứ vào *Việt Sử Lược* của Trần Trọng Kim, nên đã cho rằng Văn Miếu và Quốc Tử Giám được thành lập vào đời Lý. Tôi đồng ý rằng thời Lý có rất ít nhà Nho làm quan, các vị cao tăng là thành phần tinh hoa của triều đình nhà Lý, họ được cử nhiều chức vụ cao cấp trong triều đình, họ là những vị rất tinh thông Hán học. Nhưng với tinh thần phóng khoáng và rộng mở, các Sư cũng đã tiếp đón đạo Nho, đạo Lão để hoà hợp thành tam giáo đồng

nguyên, thành thử việc thành lập Văn Miếu và Quốc Tử Giám cũng có thể xảy ra dưới thời Lý. Tuy nhiên quan điểm của chúng tôi cũng có thể duyệt lại nếu có nhiều lý luận thuyết phục hơn.

Tôi cũng xin ghi thêm vài sử liệu và bài viết có thể giúp thêm việc thảo luận về việc xác định ngày thành lập Văn Miếu, Quốc Tử Giám:

***An Nam Chí Lược** 安南志略 (Sơ lược về An Nam/Việt Nam) của **Lê Tắc** (? - ?), đây là một *tư sử* tức là quyển sử do tự Lê Tắc viết mà không phải do lệnh của triều đình, sách sử do các sử quan viết theo lệnh của triều đình gọi là *chính sử*, bộ sách sử này được viết bằng văn xuôi chữ Hán vào năm 1335 tại Trung quốc (vào đời Trần ở Việt Nam, vào đời Nguyên ở bên Tàu), *nội dung sách ghi chép hỗn hợp về địa lý, lịch sử, văn hóa, v.v... của An Nam* viết từ thời bắt đầu đến cuối đời Trần, bộ sử này gồm có 20 quyển, nhưng quyển thứ 20 bị thất lạc, nay chỉ còn 19 quyển:

Bản dịch tiếng Quốc ngữ do Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, 1960

Lời giới thiệu của L.M Cao Văn Luận, Viện Trường Viện Đại Học Huế, 22 tháng 4 năm 1960.

Nhà xuất bản: Viện Đại Học Huế, 1961

Chuyển sang ấn bản điện tử bởi: Công Đệ, Doãn Vượng, Lê Bắc, 2001

Nguồn: Viện Việt Học website, Trang Nhà Quảng Đức website đăng lại.

Hiện nay ở Việt Nam đã có bản dịch mới, được hiệu đính và chú thích, được xuất bản gồm cả phần chữ Hán và chữ Quốc ngữ.

Trong *quyển đệ thập nhị* viết về gia thế **họ Lý** bắt đầu từ Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) đến Hạo Sâm (Lý Huệ Tông) không thấy đề cập tới *Văn Miếu* và *Quốc Tử Giám*.

Trong *quyển đệ thập tam* viết về gia thế **họ Trần** bắt đầu từ Trần Thừa ... Trần Ích Tắc ... đến Trần Kiện cũng không thấy đề cập tới *Văn Miếu* và *Quốc Tử Giám*.

Khi viết bộ sử này, Lê Tắc đã đứng trên lập trường của người Tàu mà nhìn lịch sử của An Nam. Bởi thế nên có nhiều học giả và nhiều nhà nghiên cứu lịch sử người Việt lên án ông Lê Tắc, có vị đã có nhiều lời phê bình rất gắt gao. Nhưng cũng có nhiều ý kiến ôn hoà, phóng khoáng và rộng mở hơn thì cho rằng mặc dầu Lê Tắc làm quan cho triều đình nhà Nguyên, sống đời sống lưu vong ở bên Tàu mà còn nghĩ đến cố hương thì đó là một điều đáng quý; và rằng Lê Tắc làm quan cho nhà Nguyên nên ông phải viết sử An Nam theo lập trường, theo quan điểm của người Tàu nhất là quyển sử được viết trên đất Trung Quốc. Vượt qua các lời lên án cực đoan, *chúng ta phải công nhận rằng đây là một bộ sử được biên soạn rất công phu và khoa học bởi một vị quan có học vấn uyên bác, sách có rất nhiều giá trị, đó là một tài liệu lịch sử đáng quý*. Bộ sử cho biết lịch sử Việt Nam từ lúc khởi nguyên đến đời cuối Trần, và mối bang giao giữa Việt Nam và Trung quốc vào giai đoạn ấy. Có một điều nhỏ cần ghi lại là cứ mỗi lần sứ thần Việt Nam đi triều cống triều đình Tàu thì họ cũng “*lợi quả*” như là một phần thưởng đối với chư hầu trung thành, nhiều khi của lợi quả gồm có đồ vật và tiền bạc nhiều hơn đồ triều cống. Nhiều sách Tàu cũng có nói đến việc lợi quả đối với các chư hầu khác vào thời xưa.

Bộ sử **An Nam Chí Lược** đã được sưu tập trong cả ba bộ sách lớn được coi như là “*Bách Khoa toàn thư Trung Quốc*”, và đã được nhiều danh sĩ khen ngợi trong các Lời Tựa, đã được Tứ Khố Toàn Thư giới thiệu và xuất bản nhiều lần ở Trung quốc. Bộ sử này với ấn bản Văn Lang đã được lưu trữ ở Thư Viện Tokyo, Nhật Bản; một bản sao ở Bristish Museum, ở London, nước Anh; thư viện ở Pháp; và ở nhiều thư viện lớn ở Việt Nam.

***Đại Việt lịch triều đăng khoa lục của Nguyễn Hoàn**, danh sĩ đứng đầu Quốc Sử Viện cuối đời Lê, chép danh sách và tiểu sử của những người đậu đại khoa (Trạng nguyên/Tiến sĩ, Bảng nhãn, Thám hoa) theo thứ tự các khoá thi từ **1075 đời Lý Nhân Tông đến 1787 đời Lê mạt**.

Đại Việt lịch triều đăng khoa lục, do Tạ Thúc Khải dịch ra chữ Quốc ngữ, được xuất bản bởi Bộ Quốc gia Giáo dục, Saigon, 1962.

***Bài “Những người có công kiến tạo Văn Miếu-Quốc Tử Giám”** đã viết:

“Song song với Phật giáo, nền Nho giáo chủ yếu phục vụ cho việc đào tạo nhân tài đã được các vị vua nhà Lý chú trọng. Người có công đầu tiên khi đưa Nho giáo vào đời sống của người dân Việt chính là vị vua Lý Thánh Tông với công xây dựng Văn Miếu là nơi thờ Khổng Tử - người thầy sáng lập ra nền Nho học. Ngoài Văn Miếu ở kinh thành Thăng Long, ở các địa phương cũng có nhiều nơi lập ra để thờ Khổng Tử được gọi là Văn chỉ.

Nhận thấy sự cần thiết có một đội ngũ tri thức giúp sức cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, vua Lý Thánh Tông (1023 - 1072) sau khi lên ngôi lúc 31 tuổi đã cho xây dựng Văn Miếu vào năm 1070, làm nơi thờ các thánh hiền đạo Nho. Ông cũng là người mở khoa thi “Minh kinh bác học” đầu tiên để tuyển chọn nhân tài.

Vua Lý Nhân Tông (1066 - 1128) tức Lý Càn Đức, con trưởng của Vua Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ý Lan, lên ngôi lúc mới 6 tuổi đã kế nghiệp sự nghiệp đào tạo nhân tài quốc gia của vua cha. Ngay từ nhỏ ông đã được chú trọng dạy dỗ về cả tri thức văn chương lẫn đạo làm vua. Ông là vị vua chú trọng về văn hóa, giáo dục, mở các cuộc thi kén chọn nhân tài, và đặc biệt ưu đãi, trọng vọng các bậc thiền sư. Năm Ất Mão (1075) vua cho tổ chức một khoa thi Tam trường, là khoa thi chọn người giỏi đầu tiên ở nước ta và tiến sĩ Nguyễn Văn Thĩnh đỗ đầu nhưng không được gọi là Trạng Nguyên vì phải đến năm 1247 vua Trần Thái Tông mới đặt ra học vị Tam khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa). Tiếp liền năm sau (1076), vua cho lập Quốc Tử Giám và bổ nhiệm những người khoa bảng văn học vào dạy. Ban đầu nơi đây là nơi dạy học cho các hoàng tử, công chúa, con quan lại và sau đó mở rộng thu nhận cả những học trò giỏi trong thiên hạ.

(Nguồn: Thăng Long-Hà Nội website đăng ngày 23 tháng 5 năm 2012, ký tên Người Hà Nội)]

*_*_*

Trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1528 - 1802) lấy sông Gianh, nằm trên địa phận tỉnh Quảng Bình bây giờ, làm biên giới:

-Chúa Trịnh ở ngoài/ miền Bắc đã hỗ trợ Phật giáo để lấy lòng dân Bắc hà, nhiều ngôi chùa được trùng tu.

-Chúa Nguyễn ở trong/ miền Nam cũng hỗ trợ Phật giáo để lấy lòng dân. Chúa Nguyễn Hoàng đã cho xây dựng Chùa Thiên Mụ/ Thiên Mụ Tự (天姥寺) ở Huế vào năm 1601.

Khi Gia Long thống nhất đất nước, mở đầu cho triều Nguyễn (1802 - 1945), thì các tăng sĩ chỉ được triều Nguyễn cho chức *Trụ trì*, giữ chùa và lo việc cúng tế. Nhà Nguyễn đã phong chức “*Hoà Thượng*” cho các vị tăng có đức độ. Tuy nhiên dưới thời Nguyễn, giới luật ở chùa không còn được giữ nghiêm minh như trước. Nhiều vị Sư đã trở thành thầy cúng, còn nhiều tín đồ Phật giáo thì xem Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni như là một vị thần linh để phù hộ họ, họ có thể mua lòng Phật bằng các lễ vật đem đến chùa để cúng dường và mua lòng các tăng sĩ bằng cách cúng tiền bạc hay lễ vật quý giá cho họ để được phước.

“Đến cuối thế kỷ 19, với sự đô hộ của Pháp, tình thế lại càng lộn bại. Trong gần tám chục năm trời, Phật giáo vừa bị Thiên Chúa giáo cạnh tranh ráo riết, vừa bị nhà cầm quyền nghiêm khắc hạn chế: nào lập Tăng tịch để kiểm tra, nào bắt buộc cất chùa phải xin phép trước, nào hạn chế việc nhà chùa mua sắm đất đai hay thu nhận tài sản của thập phương hỷ cúng, v.v.. Nản chí, các nhà tu hành chân chính tìm chốn ẩn tu, để mặc cho bọn “thầy đám” múa gậy vườn hoang. Vì tham lợi, bọn này làm cho tình thế hỗn tạp, như đã nói ở phía trước, càng ngày càng trầm trọng, khiến cho khách bàng quan phải đau lòng trước cảnh tượng một đạo kỳ kỳ quái quái, trong đó thần bí, phù chú, tà tín, đa thần xáo trộn như một cuộn chỉ rối, không phương gỡ ra.”

(Mai Thọ Truyền, *Phật giáo Việt Nam*, Saigon: 1965, Thư viện Hoa Sen Website ở Hoa Kỳ đăng lại)

II. Tiến trình việc phiên dịch kinh điển Phật giáo ra chữ Quốc ngữ:

Đến năm 1920, do ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung quốc được phát động bởi Đại sư Thái Hư, Phật giáo Việt Nam đã phát động phong trào chấn hưng Phật giáo trên toàn quốc, cùng khắp ba miền của đất nước: Bắc, Trung và Nam. Năm 1931, *Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật học* được thành lập ở Saigon, sau đó *Hội Lương Xuyên Phật học* cũng được thành lập ở miền Tây Nam phần. Năm 1932, *Hội Phật học Trung Việt* được thành lập tại Huế. Năm 1934, Hội Phật giáo Bắc Việt được thành lập tại Hanoi. Các Hội Phật học này do sự đóng góp công sức của Tăng Ni, Cư sĩ với mục đích văn hồi giới luật, chỉnh đốn cửa thiền, đào tạo tăng ni. Các Hội này đã xuất bản nhiều tạp chí để truyền bá tư tưởng triết học Phật giáo và vận động các bậc túc nho, tăng sĩ, cư sĩ phiên dịch các kinh văn chữ Hán ra chữ Quốc ngữ để mọi người dễ đọc, dễ hiểu và dễ học hỏi Phật pháp. Lúc ấy *Tịnh độ tông* vẫn tiếp tục thịnh hành trong đại chúng nhờ phép tu tịnh độ dễ thực hành còn *Thiền tông* thì ảm đạm, nhưng vào hậu bán thế kỷ 20 và sang đầu thế kỷ 21 thì *Thiền tông* được phục hồi và phát triển vượt bậc chẳng những ở Việt Nam mà còn ở các nước Tây phương nữa: Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Canada...

Khi nói đến các kinh điển Phật giáo được dịch ra tiếng Việt thì chúng ta đều nghĩ rằng các bản dịch của kinh điển được dịch ra chữ **Quốc ngữ**, một chữ loại chữ ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự tiếng La-tin (Latin alphabet).

Như đã nói trên, hưởng ứng lời kêu gọi chấn hưng Phật giáo vào năm 1920, có rất nhiều tạp chí Phật giáo bằng chữ Quốc ngữ đã được xuất bản vào tiền bán thế kỷ 20, vào hậu bán thế kỷ 20 cho đến nay thì số tạp chí Phật giáo được xuất bản vô số kể ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại.

Các tạp chí Phật giáo đã xuất bản vào tiền bán thế kỷ 20 thường có nội dung như sau: -dịch một kinh Phật,-dịch các bài thuyết pháp của Đại sư Trung quốc như Thái Hư v.v..., - chuyện cổ tích Phật giáo, - các câu chuyện về tiền thân Đức Phật v.v...

Vài thí dụ về các tạp chí từ Nam ra Bắc:

1. *Từ Bi Âm* (1932 - 1943): xuất bản sớm nhất ở Saigon, *Kinh Kim-Cang Bát-Nhã* do Trí Độ dịch từ chữ Hán ra chữ Quốc ngữ.
2. *Viên Âm* (1934 - 1944): xuất bản ở Huế, *Kinh Lăng nghiêm* và *Kinh Ưu Bà Tắc Giới* do Tâm Minh dịch. *Luận Đại Thừa Khởi Tín* do Trí Quang dịch .
3. *Đuốc Tuệ* (1935 - 1941) của Chùa Quán Sứ ở Hanoi: *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh* và *Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ môn* do Viên Quang dịch. *Kinh Hối Quá, Phương pháp tại gia học Phật, Tội nghiệp báo ứng giáo hoá địa ngục kinh* do Nguyễn Thượng Cần dịch. *Kinh Trường A-hàm*, quyển 7, do Trí Hải dịch. *Giảng giải kinh Bát Đại nhân giác* (bài thuyết pháp của Đại sư Trung quốc Thái Hư) do Thiều Chửu dịch.

*_*_*

Trong hiện tại, Tam tạng kinh tiếng Pali đã được dịch ra tiếng Quốc ngữ gần hết, gồm có 5 bộ kinh Nikaya, đã được ấn loát.. Có nhiều trang web đã đăng lên internet. Độc giả có thể đọc các bản kinh Việt dịch này trên các trang web như: Thư Viện Hoa Sen ở Hoa Kỳ, Trang Nhà Quảng Đức và Chùa A-di-đà ở Úc Châu, Tam Tạng Pali Việt v.v...

***Kinh Tạng Pali, các bản dịch (trích dẫn từ trang web Tam Tạng Pali Việt) :**

- * [Kinh Trường Bộ](#) - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.
- * [Kinh Trung Bộ](#) - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.
- * [Kinh Tương Ưng Bộ](#) - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.
- * [Kinh Tăng Chi Bộ](#) - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.
- * [Kinh Tiểu Bộ I](#) (Tiểu tụng, Pháp cú, Phật tự thuyết, Phật thuyết như vậy, Kinh tập) - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.

 Các bản dịch Kinh Tiểu Bộ II đến Kinh Tiểu Bộ X dưới đây không nên được xếp vào **KINH TIỂU BỘ** của **TAM TẠNG PĀLI** vì không phải là bản dịch trực tiếp từ **CHÁNH TẠNG PĀLI** thuộc truyền thống Phật giáo Theravāda ở các quốc gia Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Campuchia, v.v... Xin so sánh với văn bản song ngữ ở [Trang Ôn Cổ Tri Tân](#). 

- * [Kinh Tiểu Bộ II](#) (Thiên cung sự, Ngạ quỷ sự) - Gs Trần Phương Lan dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ III](#) (Trường lão tăng kệ, Trường lão ni kệ) - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ IV](#) (Chuyện Tiền thân, 1-120) - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ V](#) (Chuyện Tiền thân, 121-263) - Hòa thượng Thích Minh Châu và Giáo sư Trần Phương Lan dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ VI](#) (Chuyện Tiền thân, 264-395) - Hòa thượng Thích Minh Châu và Giáo sư Trần Phương Lan dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ VII](#) (Chuyện Tiền thân, 396-473) - Giáo sư Trần Phương Lan dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ VIII](#) (Chuyện Tiền thân, 474-520) - Giáo sư Trần Phương Lan dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ IX](#) (Chuyện Tiền thân, 521-539) - Giáo sư Trần Phương Lan dịch.
 - * [Kinh Tiểu Bộ X](#) (Chuyện Tiền thân, 540-547) - Giáo sư Trần Phương Lan dịch.

 - * [Hạnh Tạng](#) (Kinh Tiểu Bộ) - Tỷ khuru Thiện Minh dịch.
 - * [Hạnh Tạng](#) (Kinh Tiểu Bộ) - Tỷ khuru Indacanda (Trương Đình Dũng) dịch.
- (Nguồn: Tam Tạng Pali & Chú Giải, Hệ Phái Theravada- Nguyễn Thuỷ website:
http://www.tamtangpaliviet.net/VHoc/VHoc_Web.htm)

Những kinh điển chữ Hán căn bản như A-di-đà, Phổ môn, Kim cang, Pháp hoa, hoa nghiêm, Bát-nhã tâm kinh, Niết bàn v.v.. đều đã được dịch và lưu hành rộng rãi. Từ cuối thế kỷ thứ 20, dưới làn sóng tị nạn của người Việt ở các nước Tây phương như Hoa kỳ, Canada, Pháp, Úc, Đức... nên ở hải ngoại có rất nhiều Tăng Ni, Cư sĩ và Phật tử đã nỗ lực dịch thêm nhiều quyển kinh. Nhờ sự tiến bộ về phương tiện thông tin trong thời đại internet càng giúp cho việc phổ biến các bản dịch càng rộng rãi hơn. Tuy nhiên tính đến nay, chúng ta chưa có một bản dịch Đại Tạng Kinh chữ Hán ra chữ Quốc ngữ đầy đủ và hoàn hảo.

Lịch sử Phật giáo Trung quốc cho thấy rằng nhờ có được Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán nên người Tàu đã học Phật pháp mà không cần phải học tiếng Sanskrit. Có nhiều đại sư, cao tăng Trung quốc không hề biết tiếng Phạn mà vẫn thâm cứu Phật pháp và còn trước tác về Phật học nữa. Ví dụ như trường hợp Lục Tổ Huệ Năng đã trước tác “*Pháp Bảo Đàn Kinh*” trong khi sức học của Ngài rất khiêm tốn. Bởi thế nên việc phiên dịch Đại Tạng Kinh từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ thật là cấp thiết, bởi vì các bậc trưởng lão, các cư sĩ, các Phật tử tinh thông chữ Hán dần dần qua đời như : Thích Khánh Anh, Thích Thiện Hoa, Thích Trí Tịnh, Thích Đồng Minh, Thích Trí Nghiêm, Thích Đức Niêm, Thích Mãn Giác, Đoàn Trung Còn, Mai Thọ Truyền v. v... Số người vừa tinh thông chữ Hán vừa thâm cứu Phật học dần dần bớt đi.

Duyệt qua các bản dịch, chúng ta thấy có nhiều bộ kinh được nhiều người cùng dịch như Kinh Kim cang, Bát-nhã tâm kinh, Kinh Lăng nghiêm, Kinh Pháp cú v.v... trong khi có nhiều cuốn kinh khác chưa được dịch ra (Nguồn: *Mục Lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt* của Nguyễn Minh Tiên) . Có nhiều vị vừa dịch ra, vừa tự in và ấn tống các cuốn kinh này, lòng nhiệt tình thực đáng tán thán. Các vị dịch giả độc lập, làm việc với tư cách cá nhân thì có rất nhiều, tôi xin trích ra một số vị như sau:

-Quý Tăng Ni : Khánh Anh, Trí Tịnh, Trí Thủ, Tâm Châu, Đức Niệm, Chánh Lạc, Hành Trụ, Minh Lễ, Nhất Hạnh, Như Điển, Quảng Độ, Thanh Từ, Trí Nghiêm, Tuệ Sĩ, Trí Hải, Linh Quang, Viên Đức, Thiền Tâm v.v..

-Quý Cư sĩ, Giáo sư và Học giả: Đoàn Trung Còn, Mai Thọ Truyền, Hạnh Cơ/Nguyễn Hữu Lợi, Lê Đình Thám, Cao Hữu Đính, Phạm Kim Khánh, Nguyễn Hồng, Nguyễn Minh Tiến, Trúc Thiên, Tuệ Nhuận, Trần Phương Lan, Hoàng Phong, Bình AnSon, Ngô Tăng Giao v.v...

Bên cạnh các dịch giả độc lập với nỗ lực làm việc có tính cách cá nhân còn có nhiều tổ chức, đoàn thể đã kết hợp lại nhiều người để dịch Đại Tạng Kinh chữ Hán ra chữ Quốc ngữ như sau:

1. *Hội đồng phiên dịch Kinh điển* được thành lập vào năm 1973 ở miền Nam do Hoà Thượng Thích Trí Tịnh làm Chủ tịch. Hội đồng này làm việc trong khoảng thời gian từ 1973 đến 1975, đã dịch được các kinh điển như sau:

-Trường A-hàm và Tạp A-hàm do Thích Thiện Siêu, Thích Trí Thành và Thích Tuệ Sĩ dịch.

-Trung A-hàm và Tăng Nhất A-hàm do Thích Thanh Từ, Thích Bửu Huệ, Thích Thiền Tâm dịch.

-Đại Bát-nhã do Thích Trí Nghiêm dịch.

-Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Kinh Đại Phương quảng Phật, Hoa Nghiêm, bộ Đại Bảo Tích do Thích Trí Tịnh dịch.

2. *Hội đồng chỉ đạo phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam* được thành lập ngày 30 tháng 11 năm 2003 do Hoà Thượng Thích Minh Châu làm chủ tịch. Chúng ta chưa thấy thành quả của Hội đồng này, phần lớn các vị tăng trong Hội đồng này đã viên tịch như Thích Minh Châu, Thích Trí Tịnh v.v..., và nhiều vị khác thì tuổi đã quá cao.

3. *Ban phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam* do Thích Đồng Minh thành lập vào năm 2002 với sự cộng tác của nhiều Tăng Ni và Phật tử ở Nha Trang và ở Hoa kỳ, Canada, Pháp, Úc... Ban phiên dịch này đã dịch được nhiều sách Phật học nhiều hơn là các kinh điển trong Đại Tạng Kinh. Ngài Thích Đồng Minh đã viên tịch.

4. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng kinh* do Thích Tịnh Hạnh sáng lập vào năm 1994, gồm có 150 cao tăng, học giả, cư sĩ. Theo công bố thì năm 2004, Ban dịch thuật đã hoàn tất *Đại Tạng Kinh tiếng Việt*. Nhưng không thấy đăng trên trang web của *Giáo hội Phật giáo Linh Sơn Thế Giới* một bản kinh nào cả.

5. *Tuệ Quang Foundation website* do BS Trần Tiễn Huyền sáng lập, ông có sáng kiến dùng software dịch Đại Tạng Kinh từ chữ Hán ra chữ Quốc ngữ. Nhưng tới nay các bản dịch chưa hoàn toàn được hiệu đính, sửa chữa và nhuận sắc.

6. *Ban phiên dịch Việt ngữ của Vạn Phật Thánh Thành* do cố Đại sư Trung quốc Tuyên Hoá thành lập tại Hoa Kỳ, đã dịch một số kinh điển từ tiếng Tàu ra tiếng Việt.

*_*_*

Ngày nay, các kinh điển Phật giáo bằng chữ Quốc ngữ đã được đăng trên các trang web Phật học, và các sách giấy được phát hành khắp nơi ở Việt Nam và ở các cộng đồng Phật giáo hải ngoại như:

-*Phật học viện Quốc tế* : địa chỉ 9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343, USA do cố Hoà Thượng Thích Đức Niệm làm Viện Trưởng.

-*Thư viện Hoa Sen* website www.thuvienhoasen.org do Cư sĩ Tâm Diệu làm Trưởng ban biên tập, ở USA.

-*Trang nhà Quảng Đức* website do Hoà Thượng Thích Nguyên Tạng làm Trưởng ban biên tập, ở Australia/Úc Châu. Trang web này có mục [Đại Tạng Kinh](#).

- *Chùa A-di-đà* website, www.chuaadida.com do Thượng Toạ Thích Nguyên Trục làm Trưởng ban biên tập ở Australia/Úc Châu. Trang web này có chuyên mục [Tam Tạng Kinh Điển](#) và [Thư Viện Sách](#).

- *Rộng mở tâm hồn* website www.rongmotamhon.net do cư sĩ Nguyễn Minh Tiến làm chủ biên, ở tỉnh Bà-Rịa, Vũng Tàu, Việt Nam. Vị Cư sĩ này muốn theo gót Đại sư Trung quốc Đạo An (314 – 385) nên đã và đang tiến hành soạn *Mục Lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt* . Tính đến ngày 12 tháng 9 năm 2014, ông đã thu thập được 676 tên kinh đã dịch, gồm có 2603 quyển đã dịch trong số đó có nhiều bản dịch trùng lập do nhiều dịch giả khác nhau, ví dụ như Kinh Kim Cang, Bát-nhã tâm kinh, Kinh Pháp Cú, Kinh Lăng Nghiêm v. v.. Ông Tiến còn lập danh sách các kinh chữ Hán chưa được dịch ra chữ Quốc ngữ (xem thêm tin cập nhật về bộ sách *Mục Lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt* của Cư sĩ Nguyễn Minh Tiến ở cuối bài này).

- Một kho tàng kinh sách điện tử được chứa đựng trên trang web: Thư viện điện tử Phật giáo tiếng Việt [Vietnamese Buddhist Electronic Text (VNBET)] <http://Vnbet.com>

-*Kinh Phật tiếng Việt* website do Cư sĩ Nguyên Thuận làm chủ biên.

-*Đại Tạng Kinh Việt Nam* website, chủ biên ẩn danh.

-*Tạng thư Phật học* website, chủ biên ẩn danh.

Còn rất nhiều trang web Phật giáo khác ở Việt Nam và hải ngoại đã đăng các Kinh Phật Việt dịch. Chúng ta đang sống trong thời đại internet (internet age) nên độc giả có thể vào internet để kiểm các kinh Phật cần tìm hiểu.

III.-Kết luận

Tam tạng kinh Pali của Phật giáo Nam truyền đã được dịch ra chữ Quốc ngữ gần hết, và các kinh đã dịch xong được ấn loát .

Đại tạng kinh chữ Hán của Phật giáo Bắc truyền từ Trung quốc đã được dịch và hiệu đính gần hết. Một thời gian nữa thì có thể ấn hành nếu có đủ phương tiện tài chánh.

Hy vọng trong tương lai, các Tăng Ni, Cư sĩ và Phật tử tinh thông Hán văn và Phật học có thể tiếp tục dịch ra chữ Quốc ngữ bộ ***Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*** của Nhật Bản thì kho tàng kinh điển Phật giáo Việt Nam sẽ rất là phong phú.

Năm 1924, dưới triều đại *Đại Chánh* (1912 - 1926), hai vị Bác sĩ người Nhật là Cao Nam Thuận và Độ Biên Hải Húc đã cùng với nhiều học giả khác bắt đầu biên soạn bộ **Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh**" (大正新修大藏經), còn gọi là **Đại Chánh Tạng** hay **Đại Chánh Bản**. Đây là một Đại Tạng Kinh viết bằng chữ Hán đã thu thập nhiều tác phẩm, kinh điển Phật giáo nhất từ xưa đến nay. Đại Tạng Kinh này được đánh giá là hoàn hảo nhất, và được truyền bá rộng rãi trên thế giới. Đến năm 1934 thì bộ Đại tạng kinh này được hoàn thành, và được chính *Hội Đông-Kinh Đại Chánh Nhất Thiết Kinh* của các học giả này ấn hành.

Đại Chánh Tạng có nội dung gồm 4 phần:

1. **Chánh Biên**: gồm các thu thập tất cả các dịch phẩm Kinh, Luật, Luận và các bài viết về Phật học ở Trung quốc, Đại Hàn và Nhật Bản.
2. **Tục Biên**: gồm các thu thập những tác phẩm Phật giáo của Nhật Bản, các tư liệu khảo cổ ở Đôn Hoàng tại Trung quốc, và cả các tác phẩm, kinh điển bị nghi ngờ là ngụy tạo.
3. **Đồ Tượng**: gồm các thu thập về Mật giáo do các Pháp sư Nhật Bản học hỏi từ các Pháp sư Tàu, và sau đó họ tự phát triển thêm.
4. **Chiêu Hòa Pháp Bảo Tổng Mục Lục**.

Hai vị Bác sĩ Nhật Bản nói trên còn soạn một quyển sách : **Mục Lục Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh**. Mục lục này giúp cho các nhà nghiên cứu Phật học dễ dàng tra cứu nội dung của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh.

Hiện nay Phật giáo Đài Loan đang sử dụng bộ Đại Tạng Kinh này, và còn đăng lên internet toàn bộ Đại Tạng Kinh này.

Bản viết lần thứ nhất, Toronto, ngày 07 tháng 12 năm 2015

Bài viết có sửa chữa và bổ túc, Toronto, ngày 07 tháng 02 năm 2016

Nguyễn vĩnh Thượng

*-Cập nhật ngày 02 tháng 2 năm 2016: *Trang Nhà Quảng Đức* website vừa chuyển điện thư của Cư sĩ Nguyễn Minh Tiến đến tôi về việc xuất bản quyển *Mục Lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt* của ông: *Sách này được in trên khổ giấy lớn (16 x 24 cm), dày 672 trang, đóng bìa cứng, cung cấp thông tin về hơn 1.300 bản kinh Việt dịch gồm hơn 4.000 quyển, của gần 200 dịch giả đóng góp trong hơn 50 năm qua. - Sách sẽ phát hành ngay sau Tết Nguyên Đán, không thấy nói giá bán.*

**** -Tài liệu tham khảo chính yếu:**

- 1.-Đương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Hanoi, 1941.
tái bản lần thứ 10 bởi Trung Tâm Học Liệu trực thuộc Bộ Giáo Dục VNCH, Saigon, 1968.
- 2.-Mai Thọ Truyền, *Phật Giáo Việt Nam*, Saigon: Hội Phật Học Nam Việt, Chùa Xá Lợi, 1965.
đăng lại trên Thư Viện Hoa Sen Website, Hoa Kỳ.

- 3.-Nguyễn Minh Tiến, *Góp sức Xây dựng Đại Tạng Kinh tiếng Việt*, Hoa Kỳ: Thư Viện Hoa Sen Website, 2014.
- 4.-Thích Mật Thể, *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*, Hanoi, 1943.
tái bản bởi Nhà xuất bản Minh Đức ở Đà-Nẵng và Saigon, 1960.
- 5.-Thích Thiện Hoa, *Triết lý Đạo Phật hay Đại Khái Kinh Lăng Nghiêm*, Cholon: Hội Phật Học Phổ Thông - Ban Hoằng Pháp, 1955.
- 6.-Thích Thiện Hoa, *Năm mươi năm Chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, Saigon:1971.
tái bản bởi Phật Học Viện Quốc tế ở California, Hoa Kỳ, 1990.
7. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Hanoi, 1928.
tái bản bởi Trung Tâm Học Liệu trực thuộc Bộ Giáo Dục VNCH, Saigon,1971.